

# NHẠC KHÍ HƠI CỦA NHÓM TỘC NGƯỜI CADONG

NGUYỄN THẾ TRUYỀN\*

**Tóm tắt:** Nhạc khí hơi của nhóm tộc người Cadong bao gồm: sáo Amam, sáo Tàlia, đàn Rangói, đàn Pon pút, đàn K'loong pút. Bài viết đi sâu nghiên cứu về nhạc khí hơi (Aerophones) trong đời sống văn hóa của nhóm tộc người Cadong, thuộc dân tộc Xơ Đăng, cư trú lâu đời ở các xã: Sơn Bua, Sơn Tân, Sơn Mùa, Sơn Dung (Sơn Tây); Trà Kem, Trà Xinh (Trà Bồng) thuộc tỉnh Quảng Ngãi; các vấn đề tiếp cận của nhạc khí học như: phân loại nhạc khí, chất liệu chế tác nhạc khí, cấu trúc và phương thức chế tác (bao gồm những số đo, thông số khoa học của từng chủng loại nhạc khí), phương thức diễn tấu, môi trường diễn tấu và tính năng nhạc khí, hệ thống bài bản.

**Từ khóa:** nhạc khí Cadong, nhạc khí hơi Xơ Đăng, âm nhạc Cadong, âm nhạc Xơ Đăng.

**Abstract:** The aerophone musical instruments of the Cadong ethnic subgroup include: sáo Amam (Amam flute), sáo Tàlia (Tàlia flute), đàn Rangói (Rangói mouth organ), đàn Pon pút, and đàn K'loong pút. This article presents an in-depth study of aerophone musical instruments within the cultural life of the Cadong ethnic subgroup, a branch of the Xơ Đăng people, who have long inhabited several communes in Quang Ngai Province: Sơn Bua, Sơn Tân, Sơn Mùa, and Sơn Dung (Sơn Tây District); Trà Kem and Trà Xinh (Trà Bồng District); various perspectives from organology are examined, including: instrument classification, materials used in crafting, structure and crafting methods (including measurements and scientific specifications for each instrument type), performance techniques, performance environments and instrumental functions, and the repertoire system.

**Keywords:** Cadong musical instruments, Xo Dang aerophones, Cadong music, Xo Dang music.

Nhóm tộc người Cadong là một trong 5 nhóm tộc người (Xơ Teng, Tơ đrá, Mơ Năm, Hà Lãng và Cadong) của dân tộc Xơ Đăng, một trong những dân tộc lớn ở Tây Nguyên. Nhóm tộc người Cadong (có tài liệu viết là: Kadong, Kayong hay K'dong) sinh sống chủ yếu ở phía Bắc Tây Nguyên và phía Tây của tỉnh Quảng Ngãi, một số sống ở các vùng Kon plong, Kon Rẫy, Đăk Tô, Đăk Hà thuộc tỉnh Kon Tum và vùng Nam Trà My thuộc tỉnh Quảng Nam. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả phác họa một bức tranh về nhạc khí hơi trong đời sống văn hóa của nhóm tộc người Cadong ở Quảng Ngãi. Từ đó, nêu lên những giá trị văn hóa nghệ thuật của nhóm Cadong thông qua các giá trị của nhạc khí hơi.

Nhạc khí hơi (Aerophones) là loại nhạc khí dựa vào sự chuyển động của khối không khí chứa trong một vật. Nhạc khí hơi trong âm nhạc của nhóm Cadong, gồm: Amam, Rangói, Tàlia, Ponpút, K'loong put. Chúng được chia làm 3 chi: chi hơi lưỡi gà, chi hơi dăm, chi hơi vỗ.

## 1. Chi hơi lưỡi gà

Chi hơi lưỡi gà là những nhạc khí được tạo âm do hơi thổi qua lưỡi gà (bằng tre, nứa hoặc bằng đồng). Nhóm Cadong có hai nhạc khí thuộc chi này, đó là amam, rangói.

### Sáo Amam

Nhạc khí tương đương với Amam là Amáp của dân tộc Cor và Amó của dân tộc H'rê, một dân tộc láng giềng của nhóm Cadong (Xơ Đăng).

Cấu trúc và phương thức chế tác: sáo Amam là một loại sáo nhỏ được làm bằng ống triêng, có hình dáng giống chiếc ống để uống rượu cần, độ dài 25-45cm (nếu độ dài sáo càng lớn thì thổi sẽ tốn hơi và mau mệt), có 1 lưỡi gà không có lỗ để bấm. Bàn tay là nơi cộng hưởng.

Phương thức diễn tấu: cũng như người Cor và người H'rê, khi thổi Amam, nghệ nhân nhóm Cadong dùng bàn tay bịt vào, xòe ra nơi miệng thổi. Âm sắc của Amam gần giống với âm sắc đàn Rôđoang nhưng trầm hơn. Là loại nhạc khí dùng để trò chuyện, đối đáp nên hình thức song tấu là phổ

biến và được yêu chuộng nhất đối với loại sáo bé nhỏ này. Khi biểu diễn một người nói ở đầu sáo không có lưỡi gà, người còn lại thổi âm trì tục và điều khiển âm thanh, sau đó đổi vị trí qua lại cho nhau. Hình thức độc tấu cũng được phổ biến trong đời sống âm nhạc của nhóm Cadong. Có 2 kiểu độc tấu: Độc tấu thông thường và độc tấu có thêm tạo âm bằng cách dùng tay vỗ nhẹ vào ống nứa. Cụ thể là, nghệ nhân ngậm vào đầu thổi của Amam, đầu kia để vào 1 lỗ của ống sáo và thổi. Âm thanh phát ra từ nguồn âm là miệng nghệ nhân, sau đó được khuếch tán qua lưỡi gà và thân Amam rồi truyền qua ống nứa rồi tiếp tục biến âm theo cách vỗ nhẹ vào miệng ống nứa như đã nêu trên. Dưới đây, là hình ảnh về các hình thức diễn tấu Amam, do hai lão nghệ nhân Đinh Thị Cho và Đinh Thị Chư (xã Sơn Dung, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi) biểu diễn.

Môi trường diễn tấu: *Amam* là nhạc khí dành cho nữ giới, dùng để thổi những mẫu giai điệu đơn giản. Phổ biến nhất là hình thức song tấu trên một cây sáo (mỗi người thổi mỗi đầu). Âm thanh phát ra gồm cả giọng nói, giọng hát để đối đáp, trò chuyện với nhau. Các mẹ, các chị thường sử dụng Amam khi lên nương rẫy, kiếm củi, hái rau hoặc lúc nhàn rỗi, ăn trà, bàn chuyện mai mối vợ chồng cho con cái... Hai người phụ nữ có thể trò chuyện rất tâm giao mà chỉ cần thông qua một cây sáo Amam.

#### *Đàn Rangói*

Nhạc khí tương đương với Rangói là Đàn môi của dân tộc Việt; R'ngóay của dân tộc Cor; Hưn toóng của dân tộc Thái; Đjăm của dân tộc Mông; Côeh của dân tộc Êđê; Ălinh của dân tộc Ba Na. Trên thế giới hiện nay những loại nhạc khí có nguyên tắc phát âm như đàn Rangói rất phổ biến và có nhiều tên gọi khác nhau.

Cấu trúc và phương thức chế tác: Đàn *Rangói* được cấu tạo rất đơn giản, gồm 1 miếng gỗ mức (hoặc tre, nứa) bằng ngón tay trở, được khoét khéo léo thành một rãnh, chính giữa gắn một thanh thép hoặc đồng. Phần thanh thép ở đầu trên được uốn lại chừng 2cm để làm cần rung. Hình dạng *Rangói* gần giống sinh thực khí nữ và ống bảo quản đàn gáo giống sinh thực khí nam.

Phương thức diễn tấu: Khi biểu diễn, nghệ nhân đưa đàn kẹp ngang ở giữa hai môi rồi dùng hai ngón tay bật thanh thép qua lại. Sự thay đổi khẩu hình (khoảng miệng), sẽ tạo ra những bồi âm (harmonic) rất hay.

Môi trường diễn tấu: đàn *Rangói* dùng cho cả nam và nữ. Âm sắc của đàn gần giống với phần phá âm của dàn nhạc điện tử hiện đại, nhưng âm lượng rất hạn chế. Nam nữ hò hẹn, tỏ tình không cần phải nói chuyện, chỉ cần thổi *Rangói* thì người kia sẽ hiểu được nội dung.

Hệ thống bài bản: với lối diễn tấu và hình thức biểu hiện của *Rangói* cũng giống như sáo *Amó*, thường không có bài bản rõ ràng, nhưng *Rangói* có một lợi thế riêng là chuyển hóa được một giọng nói, một lời hát, một thanh thép có cần rung âm thanh rất độc đáo.

#### **2. Chi hơi dăm**

Hai dân tộc láng giềng với nhóm Cadong là Cor và H'rê đều có nhạc khí tương đương về hình thức cấu tạo và tên gọi là *Tàlia*. Nhạc khí tương đương với *Tàlia (goac)* là Alal của dân tộc Ba Na; Kadeh của dân tộc Ra glai; Sáo gáo của dân tộc Mông; Sáo dọc của dân tộc Việt.

#### *Sáo Tàlia*

Nhìn chung, ống tiêu hay ống sáo đã xuất hiện dưới hình thức đơn giản nhất như một cái còi thông thường. Về sau nó được hoàn thiện hơn bằng cách thêm vào những lỗ nhỏ để cho người chơi thay đổi chiều dài của nó và phát ra những âm thanh khác nhau. Chiếc còi thông thường được gặp thấy từ thời hết sức xa xưa và ở tất cả các vùng trên trái đất (1).

Cấu trúc và phương thức chế tác: sáo *Tàlia* của nhóm Cadong là loại sáo thổi dọc dài chừng 44cm, chu vi 7,5cm có một dăm. Sáo được làm bằng ống cây nứa già và nhỏ. Người làm *Tàlia* chọn cây rồi chặt đem phơi ngoài nắng. Nếu ống sáo còn tươi thì sau khi khô âm thanh sẽ không ổn định. Lỗ để thổi được làm ở phía đầu gốc ống nứa.

Phương thức diễn tấu: tư thế thổi *Tàlia* tương đương với tư thế thổi ống tiêu của người Việt. Sáo *Tàlia* hoàn toàn có thể diễn tấu được nhiều kỹ thuật khác nhau giống như ống tiêu (*legato, staccato, non legato*). Tuy nhiên, vì bài bản của *Tàlia* chưa dùng đến nhiều kỹ thuật phức tạp, nên dân tộc Xơ Đăng nói chung chưa khai thác hết khả năng diễn tấu của sáo.

Sau đây là các bước thực hiện hàng âm của cây sáo *Tàlia* của nhóm tộc người Cadong: bịt hết 5 lỗ thổi ra nốt Đô thuộc nhóm quãng 8 thứ nhất; mở lỗ thứ nhất (từ ngoài vào) ra nốt Rê thuộc nhóm quãng 8 thứ nhất; mở lỗ thứ hai ra nốt Mi thuộc nhóm quãng 8 thứ nhất; mở lỗ thứ ba ra nốt Pha thuộc nhóm quãng 8 thứ nhất; mở tiếp lỗ thứ tư ra nốt Sol

thuộc nhóm quãng 8 thứ nhất; mở hết ngón tay ra nốt La thuộc nhóm quãng 8 thứ nhất. Như vậy, hàng âm của *Tàlia* theo mô tả như trên, sẽ là: c1-d1-e1-f1-g1-a1.

Môi trường diễn tấu và tính năng: thường *Tàlia* được thổi trên nung rẫy hay trong bản làng vào dịp lễ, tết hoặc những đêm khuya, trăng sáng... và thường thổi một mình, nhưng cũng có khi hòa tấu với *V'roac*, *Amam* để ru ngủ hoặc đánh thức dân làng dậy cùng lên rẫy...

Sáo *Tàlia* được tạo âm do hơi thổi qua dăm (dăm đơn). Cũng như các loại sáo khác, *Tàlia* tỏ ra rất sở trường đối với các kỹ thuật liền hơi (legato), ngắt hơi (staccato, non legato)... Âm thanh của *Tàlia* nghe du dương, triu mến và có độ vang xa. Sáo *Tàlia* 5 lỗ là loại phổ biến và được yêu chuộng nhất.

Hệ thống bài bản: Các bài bản *Tàlia* của nhóm Cadong gần giống với dân tộc H'rê láng giềng và cận cư, có tên như: **Lem bui (vui vẻ)**, **Ru ngủ - đánh thức**, **Taôi (khóc người chết)**...

Từng nghệ nhân, từng khu vực đều có thể có những cây sáo *Tàlia* khác nhau về kích cỡ, số lượng nốt, cũng như sự sắp xếp hệ thống nốt... Xin trích bản nhạc **Taôi (khóc người chết)** do Vá Y Thang ở xã Sơn Mùa, huyện Sơn Tây, Quảng Ngãi trình diễn trên chính cây sáo *Tàlia* ông tự chế tác.

Trong suốt quá trình sưu tầm, điền dã, tác giả chưa thấy một nhạc khí nào của các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi (kể cả công chiêng) “tham gia” vào việc chia buồn - khóc người chết. Có lẽ chỉ có duy nhất âm thanh của chiếc sáo *Tàlia* mới làm được việc đó chăng? Tại sao người Xơ Đăng không chọn bất cứ một loại nhạc khí nào khác, mà chọn *Tàlia* để khóc người chết. Mỗi loại nhạc khí đều có những sở trường, sở đoản riêng, phù hợp với sự biểu cảm âm nhạc và những chức năng xã hội của nó.

Bài **Taôi** do nghệ nhân Vá Y Thang thổi sáo *Tàlia* với phong cách tự do, diễn cảm, nghe rất buồn bã. Những âm thanh của sáo nghe như run rẩy, nghẹn ngào và đứt quãng. Giai điệu ở đây được tiến hành theo bước nhảy quãng 2T (D-E-D) xen kẽ vào từng nốt giai điệu là nốt Si được nhắc lại nhiều lần nghe như có một nỗi buồn nào đó. Kiểu tiến hành giai điệu theo môtip trên được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần trong bài sáo khóc người chết. Có lẽ chính vì vậy, nên nó đã đẩy nỗi tiếc thương người chết lên đến vô cùng.

### 3. Chi hơi võ

Nhạc khí chi hơi võ của nhóm Cadong có Ponpút và K'loong put. Hai nhạc khí này tương đương với Và pút, Akhung của dân tộc H'rê; Đing pong của dân tộc Ba Na; Đing pút của dân tộc Gia Rai.

#### Đàn Pon pút

Tên gọi *Pon pút* là dành cho những nhạc khí khi chơi dùng hai bàn tay vỗ vào nhau, tạo thành một luồng hơi lùa vào miệng các ống nứa. Dân tộc H'rê sống cận cư, xen cư lâu đời với nhóm Cadong (Xơ Đăng) gọi đàn này là *Pênh pút*, *Và pút* cũng có những chức năng và hàng âm tương tự.

Qua điền dã, chúng tôi được nhiều nghệ nhân các dân tộc cho biết, nguồn gốc *Pon pút* bắt nguồn từ lao động nung rẫy. Điều này, rất khớp với các tài liệu trước đó về vấn đề này. Hạt giống được đựng trong ống nứa, khi gieo hạt đến lúc gần hết, người ta vỗ vào ống để các hạt hoặc nước còn sót lại trong ống rơi ra. Động tác tự nhiên này đã phát ra âm thanh, từ đó người ta sáng chế ra đàn *Pon pút*. Để âm thanh vang hơn, họ đã cắt bỏ phần mấu bịt kín cho ống thông suốt hai đầu.

Cấu trúc và phương thức chế tác: đàn *Pon pút* gồm hai ống nứa có kích cỡ khác nhau. Người làm đàn vào rừng chọn những cây *ranhan* (nứa) thật già và thẳng để đốn mang về làm đàn. Đường kính của hai ống là 4cm và 5,5cm; ống lớn dài 110cm, ống nhỏ dài 100cm.

Sau khi dùng rựa chặt thành hai ống có âm thanh như ý muốn, nghệ nhân cho đàn hong ngoài gió hoặc nắng vừa. Sau đó, đàn được treo trên dàn bếp để hun khói. Theo các nghệ nhân thì việc hun khói sẽ làm cho đàn chuyển thành màu vàng nâu óng ả, nếu không đàn sẽ có màu trắng bệch. Hơn nữa, việc hun khói sẽ làm cho đàn được bền bỉ hơn và tránh được mối, mọt.

Phương thức diễn tấu: người chơi *Pon pút* dùng hai bàn tay xếp lại vỗ vào nhau, luồng không khí từ tay lùa vào miệng ống phát ra âm thanh. *Pon pút* do hai nữ biểu diễn: một người vỗ một đầu ống để tạo âm thanh, độ vang và thay đổi các hình tiết tấu; người kia bịt, mở ở đầu ống để cùng tạo cao độ và thay đổi âm sắc khi chơi nhạc. *Pon pút* được diễn tấu ở tư thế ngồi. Các ống nứa trong đàn *Pon pút* có khi được đặt trên hai thanh gỗ cách mặt đất chừng 15-30cm. Có khi xuất hiện người thứ ba để ngồi nâng ống cho nghệ nhân trình tấu.

Môi trường diễn tấu và tính năng: đàn *Pon pút* dành cho nữ giới. Hiện nay, tùy từng vùng, người

Xơ Đăng có quan niệm rằng, các ống thông suốt khi vỗ vào thì của cải, tài sản trong nhà sẽ bay hết. Vì thế, họ chỉ sử dụng trong rừng, trên rẫy và không thấy sử dụng trong nhà, trong làng. Có một truyền thuyết của dân tộc Xơ Đăng về nguồn gốc của cây đàn này như sau: Ngày xưa có 2 vợ chồng sinh được 2 anh em, một trai, một gái. Người anh tên là K'loong, người em gái tên là Pút. Một hôm người anh bỗng phát hiện ra những âm thanh vi vu rất vui tai, thì ra đó là âm thanh của các ống nứa được để ngoài hiên, do gió thổi vào. Anh ta sung sướng đi gom các ống nứa thành một bó và thổi vào các ống nứa. Mỗi ống lại phát ra một âm thanh khác nhau. K'loong đặt tên cho những ống nứa này là HiHơ. Chính chiếc HiHơ này đã gợi ý cho các nghệ nhân lấy các ống nứa lớn làm thanh đàn K'loong pút (2).

Cũng như người H'rê, nhóm Cadong quan niệm về các ống của đàn *Pon pút* như sau: ống dài (âm trầm) là ống âm và ống ngắn (âm cao) gọi là ống dương. Hiệu quả âm thanh thực tế của đàn là thấp hơn một quãng 8 so với nốt ghi.

Khả năng âm thanh của đàn *ponpút* như sau: ống dài: Vỗ thường là v'roan đoang (tiếng con) cho nốt g<sup>1</sup>; vỗ có bịt kín đầu kia là v'roan (tiếng cha) cho nốt g; vỗ có bịt một phần đầu kia là v'roan đalanlem (tiếng mẹ) cho nốt fis<sup>1</sup>.

Ống ngắn: Vỗ thường (tiếng con) cho nốt bes<sup>1</sup>; vỗ có bịt kín đầu kia (tiếng cha) cho nốt bes; vỗ có bịt một phần đầu kia (tiếng mẹ) cho nốt a<sup>1</sup>.

Ngoài những âm thanh trên, cây đàn *Pon pút* có thể có được nhiều âm thanh khác, tùy vào tài nghệ diễn tấu của từng nghệ nhân.

Hệ thống bài bản: *Pon pút* thường chơi những bài như: ***Búp bang (cá bống)***, ***Pinhpút (Tiếng chim tu hú)***, ***Buib'gôh (giải trí)***...

#### *Đàn K'loong pút*

K'loong pút là tên gọi phổ biến của các nhóm tộc người thuộc dân tộc Xơ Đăng, cũng như một số tộc khác ở Tây Nguyên. Trong nghệ thuật diễn xướng dân gian từ xa xưa đến nay, K'loong pút là một nhạc khí truyền thống phục vụ cho đời sống tinh thần không chỉ của dân tộc Xơ Đăng mà của nhiều dân tộc khác và đã được thế giới biết đến và ngưỡng mộ.

Có một tài liệu quý hiếm và rất thú vị, giúp chúng tôi biết được sự lan tỏa của âm nhạc Xơ Đăng thông qua cây đàn K'loong pút đã diễn ra cách đây 60 năm, đó là sách Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai của

tác giả Đào Huy Quyền: Tháng 1-1965 tại Hội diễn văn nghệ miền Tây Trung Bộ và các tỉnh Tây Nguyên, chiếc K'loong pút xuất hiện có tới 12 ống, do chị K'lôi (dân tộc Xơ Đăng) trình diễn. Sau này, Đoàn văn công Kon Tum đã dựa vào đó để sáng chế cây đàn K'loong pút có âm thanh khá chuẩn xác. Tiếp sau đó, Đoàn văn công quân giải phóng Tây Nguyên đã làm chiếc K'loong pút 21 ống, trình diễn tại Đại hội chiến sĩ thi đua toàn quốc cuối năm 1968. Đến năm 1974, K'loong pút đã ra mắt phục vụ các đại biểu Quốc hội và Chính phủ ta tại Hà Nội. Sau Đại hội này, đàn K'loong pút đã được giới thiệu rộng rãi với nhân dân thủ đô Hà Nội và các tỉnh thành khác, gây tiếng vang và sự chú ý của nhân dân. Đến năm 1975, K'loong pút đã theo các nghệ sĩ Việt Nam đến Liên Xô, Trung Quốc và đã được hoan nghênh nhiệt tình. Ngày 25-2-1975 là ngày đáng nhớ của cây đàn K'loong pút Việt Nam, vì được ghi vào cuốn sổ vàng Các nhạc khí thế giới tại Nhạc viện Tchaikovsky (Nga) (3).

Cấu trúc và phương thức chế tác: đàn K'loong pút của người Xơ Đăng có từ 5 đến 7-8 ống nứa, nhưng phổ biến là loại 5 ống.

Phương thức diễn tấu: cách thức diễn tấu của *K'loong pút* là chum 2 bàn tay lại rồi khéo vỗ vào nhau cho hơi lùa vào ống đàn. Mỗi ống đều có cao độ khác nhau (giống như đàn *Pon pút*, nhưng bài bản và âm thanh của nó phong phú hơn).

Diễn tấu đàn *K'loong pút* có khi là 1 nam 1 nữ, có khi là 2 nữ ở các tư thế đứng, ngồi bệt hay quỳ gối. Nếu diễn tấu ở tư thế ngồi thì các ống nứa được đặt nằm theo 2 nhóm trên thành gỗ, tạo khoảng cách giữa ống đàn với mặt đất chừng 15-30cm. Cũng có trường hợp người chơi đàn làm một giá gỗ để đặt làm đàn. Trường hợp này thì không cần sự có mặt của người thứ ba.

Môi trường diễn tấu và tính năng: đàn *K'loong pút* dùng cho cả nam và nữ trình diễn trong các ngày vui, lễ hội, để tìm hiểu nhau hoặc giải trí.

Do đặc điểm riêng về diễn tấu của đàn *K'loong pút* là mỗi một nốt nhạc được vang lên phải có một lần vỗ tay trước ống nứa. Vì vậy, người biểu diễn rất khó chơi những nốt móc kép và những bài có nhịp độ nhanh. Nhạc sĩ sáng tác cho đàn *K'loong pút* không nên viết nhảy quãng xa, nếu viết các âm chạy nhanh thì phải viết ở những quãng gần, cũng như khắc phục những âm ngân dài vì độ ngân của *K'loong pút* (kể cả đàn *Pon pút*) là quá ít ỏi.

Như đã nói trên, *K'loong pút* là tên gọi chung đối với loại nhạc khí nhóm hơi vỹ này. Theo cách gọi này, số lượng các ống nứa tham gia cấu thành một cây đàn, sẽ không ảnh hưởng gì đến tên gọi của nó là *K'loong pút*. Chẳng hạn, nhiều dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên gọi chung là *K'loong pút* cho các loại: 2 ống, 3 ống, 5 ống, 7 ống, 9 ống... Trong sinh hoạt âm nhạc từ xa xưa đến nay, *K'loong pút* là một nhạc khí dân gian truyền thống phục vụ cho đời sống văn hóa tinh thần của nhiều dân tộc và đã được thế giới biết đến.

Hệ thống bài bản: nhóm tộc người Cadong có một số bài bản chính của *K'loong pút* như: **Ta ruông đao (giao duyên)**, **Buib' goh (vui giải trí)**, **Buihidhanh (vui ngày tết)**... Dân tộc H'rê sống cận cư, xen cư lâu đời với nhóm Cadong cũng có những bài bản tương tự.

#### 4. Kết luận

Nhóm tộc người Cadong của dân tộc Xơ Đăng, một trong những dân tộc lớn của vùng Tây Nguyên bao la, hùng vĩ và thân thương của Tổ quốc. Nơi đây có truyền thống văn hóa nghệ thuật rất đặc sắc, đa dạng và nổi bật, trong đó có âm nhạc dân gian của các dân tộc.

Các chất liệu chế tác ra nhạc khí họ hơi thuộc 3 chi: Chi lưỡi gà, chi hơi dăm, chi hơi vỹ là hoàn toàn được lấy từ thiên nhiên nơi ở của họ, một nền âm nhạc gắn liền với môi trường sống. Những nhạc khí họ hơi và họ dây của các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, có thể đã xuất hiện trước các nhạc khí bằng đồng trong các niên đại lịch sử. Ngày nay còn lưu lại dấu vết những bài bản chiêng còn mang tính sơ khai ở các nhạc khí họ hơi và họ dây trên khắp vùng đất này. Tác giả sẽ có những nghiên cứu tiếp theo về hướng này, nhưng chắc chắn rằng khảo cổ học ở Lung Leng đã làm sáng tỏ việc Tây Nguyên không có lò đúc chiêng, cũng như không tự sản xuất được những chiếc chiêng, mà phải đi mua (hoặc đổi chác) từ những vùng khác: Myanmar, Làng đúc đồng Phước Kiều (Quảng Nam, Đà Nẵng)...

Những nhạc khí họ hơi và họ dây rất gần gũi và thân thiện với môi trường sống, cũng như đời sống tinh thần từ rất xa xưa cho đến nay của các cư dân Trường Sơn - Tây Nguyên. Đông Nam Á với tranh tre nứa lá, không chỉ là chất liệu để chế tác những nhạc khí mà còn để làm những ngôi nhà sàn, nhà rông xinh xắn, chắc chắn; những công cụ sản xuất

và đánh bắt thủy sản như: nò, rỏ, đáy, đấng của người dân... Điều này, cũng góp phần làm sáng tỏ các vấn đề của Địa văn hóa.

Bên cạnh việc *Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên* đã được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và Di sản Văn hóa Phi vật thể Đại diện nhân loại (ngày 25-11-2005), chúng tôi nhận thấy các nhạc khí họ hơi và họ dây của các dân tộc Tây Nguyên, xét trên nền cảnh xã hội và không gian văn hóa theo chiều dài lịch sử, chúng hoàn toàn xứng đáng được xem xét làm Hồ sơ trình UNESCO công nhận.

Nhạc khí họ hơi của nhóm tộc người Cadong (Xơ Đăng) là một di sản văn hóa vô giá không chỉ của chính họ, mà còn chứa đựng những giá trị văn hóa của đất nước và mang tính đặc trưng của âm nhạc khu vực Đông Nam Á. Các vấn đề nguồn gốc lịch sử và giá trị văn hóa nghệ thuật của nhạc khí dân gian trong đời sống xã hội của nhóm tộc người Cadong, cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn ở những đề tài khác ■

N.T.T

1. E.B Tylor, *Văn hóa nguyên thủy*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, Hà Nội, 2001, tr.309.

2, 3. Đào Huy Quyền, *Nhạc khí dân tộc ở Gia Lai*, Nxb Giáo dục, Sở VHHT Gia Lai, 1993, tr.60, 29.

#### Tài liệu tham khảo

- Đình Xăng Hiền, Nguyễn Thanh Mừng, *Truyện cổ Kadong* (sưu tầm biên soạn), *Sở VHHT Nghĩ Bình*, 1988.
- Lê Huy, Minh Hiến, *Nhạc khí truyền thống Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1994.
- Thụy Loan, *Lược sử âm nhạc Việt Nam*, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Âm nhạc, 1993.
- Tạ Hiền Minh và các tác giả, *Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi*, *Sở VHHT Quảng Ngãi*, 1996.
- Tô Ngọc Thanh, *Giới thiệu một số nhạc cụ dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn nghệ, Trung tâm VHDT TP.HCM, 1995.
- Viện Dân tộc học, *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)*, Hà Nội, 1984, tr.95-107.
- Von Hornbostel, Erich and Curt Sachs, *Classification of Musical Instruments (Phân loại nhạc khí)*, được dịch bởi Anthony Baynes và Klaus P.Wachsmann, Tạp chí *Galpin Society*, 1961.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 26-3-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 5-4-2025; Ngày duyệt đăng: 25-4-2025.